

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2021/HS-ST

Ngày: 25-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI,
TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Anh Thư;

Bà Nguyễn Thị Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Nam, là Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Khánh Vương-Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 37/2021/TLST-HS ngày 16 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2021/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 05 năm 2021 đối với bị cáo:

Bùi Văn P, tên gọi khác: Cu dái, sinh ngày 02/01/1994; tại Quảng Ngãi; nơi cư trú: T 3 (t 8 cũ), phường CL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 7/12; quốc tịch: Việt Nam, dân tộc: kinh, tôn giáo: không, giới tính: Nam, con ông: Bùi T (đã chết) và con bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1970; vợ: Nguyễn Thục U (Nguyễn Thúc U), sinh năm 1998, con: có 01 con sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; về nhân thân: Về tội “Cướp tài sản” theo Bản án số 46/2011/HS-ST ngày 21/12/2011 của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, xử phạt 06 năm 06 tháng tù, chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/4/2016; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 30/12/2020, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Nguyễn Thục U (Nguyễn Thúc U), sinh năm 1998, trú tại: Thôn LQP, xã LĐ, huyện PL, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Ông Trần Minh T, sinh năm 1960, trú tại: T 3, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

3. Ông Trần Cao M, sinh năm 1996, trú tại: T 3, phường NL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

4. Bà Bùi Thị Bích H, sinh năm 1987, trú tại: Thôn PV, xã TT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

5. Ông Trương Quang H, sinh năm 2000, trú tại: Tổ 4, phường CL, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 23 giờ 40 ngày 29/12/2020, tại phòng Matscova của quán karaoke SUNNY trên đường Trà Bồng Khởi Nghĩa thuộc tổ 3, phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi phát hiện, lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Bùi Văn P (Sinh ngày 02/01/1994, HKTT: tổ 3, phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi) về hành vi bán trái phép chất ma túy, thu giữ: 04 (bốn) viên nén màu xanh (nghĩ là ma túy dạng thuốc lắc); 02 (hai) túi ni lon bên trong có chứa các hạt tinh thể màu trắng (nghĩ là ma túy Ketamine) và một số đồ vật, tài sản có liên quan.

Quá trình điều tra, Bùi Văn P khai nhận: Vào khoảng tháng 12/2020, Phúc có gặp đối tượng tên Thủy (chưa rõ lai lịch) và biết Thủy có bán ma túy. Vì muốn có tiền tiêu xài nên P đề nghị T nếu có ai có nhu cầu mua ma túy thì P sẽ đi giao ma túy cho T để hưởng lợi. Khoảng 22 giờ ngày 29/12/2020, Trương Quang H (Sinh năm 2000, HKTT: tổ 4, phường Chánh Lộ, TP Quảng Ngãi) cùng 03 người khác tên S, Đ, T (chưa rõ lai lịch) đến phòng Matscova của quán karaoke SUNNY ở đường Trà Bồng Khởi Nghĩa thuộc tổ 3, phường Nghĩa Chánh, TP Quảng Ngãi để hát karaoke. Do có nhu cầu sử dụng ma túy nên H dùng điện thoại có số thuê bao 0565109182 của mình để nhắn tin vào số thuê bao 0961386770 của T để hỏi mua 02 chাম ma túy “khay” và 04 viên ma túy “kẹo”. T đồng ý bán ma túy cho H với giá 4.000.000 đồng và hẹn giao ma túy tại phòng Matscova của quán SUNNY. Sau đó, T sử dụng số thuê bao 0961386770 nhắn tin vào số thuê bao 0933835449 của P để báo P đi giao ma túy, và chuyển số thuê bao của H cho P để P tiện liên lạc. T hẹn P đến gần Trung tâm giáo dục thường xuyên và hướng nghiệp tỉnh Quảng Ngãi trên đường Võ Thị Sáu thuộc phường Chánh Lộ, thành phố Quảng Ngãi. Tại đây, T giao cho Phúc 02 chাম ma túy “khay” và 04 viên ma túy “kẹo” để P đến quán SUNNY giao cho H và lấy tiền 4.000.000 đồng cho T, xong việc P sẽ nhận được tiền công 500.000 đồng. Đến khoảng 22 giờ 35 phút cùng ngày, Bùi Văn P dùng số thuê bao 0933835449 gọi vào số thuê bao 0565109182 của H với nội dung: H đang ở đâu? P là người của T đến giao ma túy. H trả lời là đang ở quán SUNNY. Khoảng 5 phút sau, Phúc tiếp tục gọi cho H hỏi là ở phòng nào thì H trả lời là phòng Matscova. Sau đó, P đến quán SUNNY, hỏi nhân viên quán phòng Matscova, và đến mở cửa đi vào phòng. Lúc này, H biết Phúc đến giao ma túy nên H đi đến chỗ P để giao tiền, P vừa thò tay vào túi quần sau bên trái để lấy ma túy giao cho H thì bị lực lượng Công an bắt quả tang và đưa về trụ sở Công an phường Nghĩa Chánh.

Tại Kết luận giám định số 44/KLGD-PC09 ngày 06/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi kết luận:

Chất rắn dạng tinh thể màu trắng bên trong 02 túi ny lông màu trắng có kích thước (3 x 2,5)cm và (3,2 x 2,4)cm gửi giám định là ma túy, loại Ketamine, khối lượng mẫu 0,79 gam;

04 viên nén màu xanh bên trong túi ny lông màu trắng có kích thước (4,2 x 3)cm gửi giám định là ma túy, loại Amphetamine, khối lượng mẫu 1,76 gam;

Ketamine là chất ma túy nằm trong danh mục III, STT 35, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ;

Amphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục IIB, STT 92, Nghị định số 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ thì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng các chất ma túy so với mức tối thiểu của từng chất quy định tại khoản 2 Điều 251 BLHS là $(0,79/20 \times 100\%) + (1,76/5 \times 100\%) = 3,95\% + 35,2\% = 39,15\%$ (dưới 100%). Do đó hành vi của Phúc cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại Kết luận giám định số 123/KLGD-PC09 ngày 02/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi đã trích xuất dữ liệu điện tử là nhật ký cuộc gọi đến, cuộc gọi đi, tin nhắn đến, tin nhắn đi, nội dung tin nhắn trong ngày 29/12/2020 và số điện thoại (số thuê bao) của các điện thoại di động thu giữ được của Bùi Văn P, Trương Quang H.

Quá trình điều tra, Bùi Văn P khai: Đối tượng tên T, sử dụng số thuê bao di động 0961386770 là người đã liên lạc với P để bán ma túy cho H, tuy nhiên P không biết nhân thân, lai lịch của đối tượng T. Vì vậy, Cơ quan CSĐT ban hành Lệnh thu giữ thư tín, điện tín, bưu kiện, bưu phẩm số 30/CSĐT(MT) đối với số thuê bao di động 0961386770 của Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) trong ngày 29/12/2020. Đến nay, Tập đoàn Công nghiệp - Viễn thông Quân đội (Viettel) vẫn chưa có văn bản trả lời kết quả cho Cơ quan Cảnh sát điều tra về dữ liệu chi tiết, thông tin chủ thuê bao 0961386770, khi nào có kết quả sẽ tiếp tục điều tra làm rõ và xử lý sau.

Về thu giữ và xử lý vật chứng

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tạm giữ và xử lý các vật chứng như sau:

- 0,68 gam mẫu ma túy loại Ketamine; 1,57 gam mẫu ma túy loại Amphetamine cùng toàn bộ vỏ bao gói còn lại sau giám định được niêm phong trong cùng một phong bì số 36/PC09(GĐ-2021), trên giáp lai có hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi và chữ ký của: Trần Công M, Trần Hoàng N. Đây là số ma túy còn lại sau giám định;

- Điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu trắng đen, model: SM-N975F/DS, IMEL 1: 351591119059445, IMEL 2: 351592119059443, có gắn thẻ sim MOBIFONE có dãy số 8401170552218412 là công cụ, phương tiện để bị cáo Bùi Văn P liên lạc bán trái phép chất ma túy. Qua điều tra xác định chiếc điện thoại là tài

sản cá nhân của vợ bị cáo là bà Nguyễn Thục U, bà U cho bị cáo mượn điện thoại di động trên để sử dụng và không biết bị cáo sử dụng vào việc bán trái phép chất ma túy; riêng thẻ sim MOBIFONE là của bị cáo P mua để sử dụng.

- Điện thoại di động hiệu VSMART, màu trắng đen, model: Active 3, IMEL 1: 3534442112926156, IMEL 2: 353442112926164, có gắn thẻ sim Nano có dãy số 89840509191036965149 là công cụ, phương tiện để Trương Quang H liên lạc mua ma túy của bị cáo. Qua điều tra xác định chiếc điện thoại, thẻ sim là của Trương Quang H.

- Qua điều tra xác định xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS, màu xanh đen, biển kiểm soát 76B1-212.13, số khung: C6J0GY196341, số máy: 5C6J196321 là công cụ, phương tiện bị cáo sử dụng để bán trái phép chất ma túy. Xe mô tô này do ông Trần Minh T đăng ký sở hữu. Ngày 29/12/2020, ông T cho con ruột là Trần Cao M mượn sử dụng và sau đó ông M cho bị cáo mượn. Ông Trí và ông Minh không biết bị cáo sử dụng xe mô tô trên để bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông Trí theo đúng quy định.

- Số tiền 3.106.000 đồng thu giữ trong người bị cáo khi bắt quả tang. Qua điều tra xác định số tiền này do chị ruột của bị cáo là Bùi Thị Bích H đưa cho bị cáo để mua đồ lo giỗ, bị cáo chưa kịp mua thì bị bắt quả tang và thu giữ. Do đó, số tiền trên không phải là vật chứng trong vụ án.

Tại bản cáo trạng số 27/CT-VKS ngày 15-04-2021, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Bùi Văn P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn Phúc phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 251; điểm s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Bùi Văn P từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, đề nghị:

Tịch thu, tiêu hủy: Ma túy còn lại sau giám định gồm 0,68 gam ma túy loại Ketamine và 1,57 gam ma túy loại Amphetamine; thẻ sim số 0933.835.449 là của bị cáo P sử dụng để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu VSMART, màu đen, có gắn thẻ sim 0565.109.182 là công cụ, phương tiện của Trương Quang H liên lạc mua ma túy của bị cáo.

Trả lại cho chủ sở hữu:

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu đen-trắng cho bà Nguyễn Thục U, vì bà U cho bị cáo mượn điện thoại di động trên để sử dụng và không biết bị

cáo sử dụng vào việc bán trái phép chất ma túy; riêng thẻ sim MOBIFONE là của bị cáo P mua để sử dụng.

- Trả lại số tiền 3.106.000 đồng cho bà Bùi Thị Bích H, vì bà H đưa cho bị cáo để mua đồ lo giỗ, bị cáo chưa kịp mua thì bị bắt quả tang và thu giữ, không liên quan trong vụ án.

- Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS, màu xanh đen, biển kiểm soát 76B1-212.13, số khung: C6J0GY196341, số máy: 5C6J196321 cho ông Trần Minh T, vì bị cáo sử dụng để bán trái phép chất ma túy. Xe mô tô này do ông Trần Minh T đăng ký sở hữu. Ngày 29/12/2020, ông T cho con ruột là Trần Cao M mượn sử dụng và sau đó ông M cho bị cáo mượn. Ông T và ông M không biết bị cáo sử dụng xe mô tô trên để bán trái phép chất ma túy.

Về các tình tiết khác trong vụ án:

Đối tượng tên T quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để triệu tập, làm việc và xử lý theo quy định. Do đó khi nào xác định được sẽ xem xét xử lý sau.

Trương Quang H là người mua ma túy để sử dụng, tuy nhiên H chưa nhận ma túy từ bị cáo thì bị cáo bị bắt quả tang. Do đó Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với H là có căn cứ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng hình sự: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Nguyễn Thục U, ông Trần Minh T, ông Trương Quang H đều vắng mặt tại phiên tòa nhưng họ đã có lời khai trong quá trình điều tra nên việc vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292 của Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Bùi Văn P khai nhận hành vi phạm tội của mình: Để có tiền tiêu xài cá nhân, bị cáo Bùi Văn P thông qua mối quan hệ xã hội, bị cáo P biết được một người tên T (không rõ nhân thân, lai lịch) và có biết T có bán ma túy nên bị cáo Phúc nói T sẽ đi giao ma túy cho T rồi T trả công. Ngày 29/12/2020 Trương Quang H sử dụng số điện thoại 0565.109.182 liên hệ với T hỏi mua 04 viên ma túy kẹo và 02 túi ma túy khay với số tiền là 4.000.000 đồng, hẹn giao ma túy và giao tiền tại phòng Matscova của quán Karaoke Sunny, T đồng ý rồi nhắn tin cho bị cáo P và đưa số điện thoại của H cho bị cáo P để liên hệ giao ma túy, với thỏa thuận bị cáo P bán được ma túy thì T sẽ cho bị cáo P 500.000 đồng. Khi nhận ma túy từ T, bị cáo P điều khiển xe mô tô 76B1-212.13 đến quán Karaoke Sunny để giao ma túy và nhận tiền thì bắt quả tang, với khối lượng ma túy khi bị bắt quả tang là 0,79 gam ma túy loại Ketamine và 1,76 gam loại ma túy Amphetamine.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp với bản kết luận giám định số 44/KLGD-PC09 ngày 06/01/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi và căn cứ khoản 2 Điều 5 Nghị định số 19/2018/NĐ-CP

ngày 02/02/2018 của Chính phủ thì tổng tỷ lệ phần trăm về khối lượng các chất ma túy so với mức tối thiểu của từng chất quy định tại khoản 2 Điều 251 BLHS là $(0,79/20 \times 100\%) + (1,76/5 \times 100\%) = 3,95\% + 35,2\% = 39,15\%$ (dưới 100%). Do đó hành vi của P cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Như vậy, có đủ căn cứ kết luận: Hành vi của bị cáo Bùi Văn P mà bản Cáo trạng của Viện KSND TP Quảng Ngãi đã truy tố bị cáo Bùi Văn P về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 hoàn toàn đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Bị cáo Bùi Văn P là người đủ năng lực nhận thức và điều khiển hành vi của mình, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự. Ngày 21/12/2011 bị cáo đã bị Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xử phạt 06 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, lúc phạm tội mới 17 tuổi 05 tháng và đã chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/4/2016, đến ngày 29/12/2020 Phúc phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” nên bị cáo P đương nhiên được xóa án tích theo quy định tại Điều 107 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm đến chính sách thống nhất quản lý của Nhà nước về chất ma túy mà còn gây ảnh hưởng đến sức khỏe của cộng đồng và là nguyên nhân để gây ra các loại tội phạm khác, gây mất trật tự an toàn xã hội ở địa phương. Do đó, cần phải được xử lý nghiêm minh theo pháp luật và áp dụng hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo nhằm răn đe giáo dục đối với bị cáo và góp phần ổn định tình hình trật tự xã hội ở địa phương.

Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, gia đình có hoàn cảnh khó khăn, có con nhỏ bị bệnh tăng sinh tuyến thượng thận bẩm sinh nên đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về các tình tiết khác trong vụ án:

Đối tượng tên T quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên không có cơ sở để triệu tập, làm việc và xử lý theo quy định. Do đó khi nào xác định được sẽ xem xét xử lý sau.

Trương Quang Hiếu là người mua ma túy để sử dụng, tuy nhiên H chưa nhận ma túy từ P thì bị cáo P bị bắt quả tang. Do đó Cơ quan điều tra không xử lý hình sự đối với Hiếu là có căn cứ.

[3] Về xử lý vật chứng:

- Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: Ma túy còn lại sau giám định gồm 0,68 gam ma túy loại Ketamine và 1,57 gam ma túy loại Amphetamine; thẻ sim số 0933.835.449 là của bị cáo Phúc sử dụng để thực hiện hành vi mua bán trái phép chất ma túy.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu VSMART, màu đen, có gắn thẻ sim 0565.109.182 là công cụ, phương tiện của Trương Quang Hiếu liên lạc mua ma túy của bị cáo Phúc.

Trả lại cho chủ sở hữu:

- Trả lại 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu đen-trắng cho bà Nguyễn T, bà cho bị cáo Phúc mượn điện thoại di động trên để sử dụng và không biết bị cáo sử dụng vào việc bán trái phép chất ma túy; riêng thẻ sim MOBIFONE là của bị cáo P mua để sử dụng.

- Trả lại số tiền 3.106.000 đồng thu giữ trên người bị cáo khi bắt quả tang cho bà Bùi Thị Bích H. Vì có căn cứ xác định số tiền này do chị ruột của bị cáo là Bùi Thị Bích H đưa cho bị cáo P để mua đồ lo giỗ, bị cáo chưa kịp mua thì bị bắt quả tang và thu giữ, không liên quan trong vụ án.

- Có căn cứ xác định xe mô tô nhãn hiệu SIRIUS, màu xanh đen, biển kiểm soát 76B1-212.13, số khung: C6J0GY196341, số máy: 5C6J196321 là công cụ, phương tiện bị cáo P sử dụng để bán trái phép chất ma túy. Xe mô tô này do ông Trần Minh T đăng ký sở hữu. Ngày 29/12/2020, ông T cho con ruột là Trần Cao M mượn sử dụng và sau đó ông M cho bị cáo P mượn. Ông T và ông M không biết bị cáo sử dụng xe mô tô trên để bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại xe cho ông T theo đúng quy định.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng: Các hành vi, quyết định của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí trong vụ án hình sự:

Bị cáo Bùi Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng.

[6] Tuyên quyền kháng cáo cho người tham gia tố tụng.

[7] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố bị cáo Bùi Văn P (tên gọi khác: Cu dái) phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2/ Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bùi Văn P 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 30/12/2020.

3/ Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017, điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy: Ma túy còn lại sau giám định gồm 0,68 gam ma túy loại Ketamine và 1,57 gam ma túy loại Amphetamine trong 01 phong bì giấy số: 36/PC09 (GD-2021), phong bì được niêm phong, trên giáp lai có chữ ký của người tham gia

đóng gói niêm phong (Trần Công M, Trần Hoàng N) và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi; thẻ sim số 0933.835.449 có trong 01 phong bì giấy số: 123/KLGD-PC09, phong bì được niêm phong, trên giáp lai có chữ ký của người tham gia đóng gói niêm phong (Nguyễn Thế A) và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước:

- 01 điện thoại di động hiệu VSMART, màu đen, có gắn thẻ sim 0565.109.182 có trong phong bì giấy số: 123/KLGD-PC09, phong bì được niêm phong, trên giáp lai có chữ ký của người tham gia đóng gói niêm phong (Nguyễn Thế Anh) và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi.

Trả lại cho chủ sở hữu:

- Trả lại cho bà Nguyễn Thục U 01 điện thoại di động hiệu SAMSUNG, màu đen-trắng có trong 01 phong bì giấy số: 123/KLGD-PC09, phong bì được niêm phong, trên giáp lai có chữ ký của người tham gia đóng gói niêm phong (Nguyễn Thế Anh) và hình dấu của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Quảng Ngãi.

- Trả lại cho bà Bùi Thị Bích H số tiền 3.106.000 đồng (Ba triệu, một trăm lẻ sáu nghìn đồng).

(Vật chứng và tài sản trên có đặc điểm theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 19-04-2021 giữa Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố Quảng Ngãi và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, giấy Ủy nhiệm chỉ lập ngày 18/06/2021 của Công an thành phố Quảng Ngãi).

4/ Về án phí trong vụ án hình sự: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Bị cáo Bùi Văn P phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

5/ Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thành phố Quảng Ngãi;
- Cơ quan THAHS, cơ quan CSĐT, cơ quan hồ sơ nghiệp vụ-Công an thành phố Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS thành phố Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp Quảng Ngãi;
- Bị cáo; những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng